

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **137/2020/DSST**
Ngày: 10/8/2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Bùi Vĩnh Thanh**.

2. Bà **Lê Thị Gấn**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh**.

Trong ngày **10 tháng 8 năm 2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2020/TLST-DS ngày 23/6/2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-DS ngày 23/7/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Đ**, sinh năm 1950. (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã TP, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị R**, sinh năm 1961. (có mặt).

Địa chỉ: ấp 5, xã TP, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Trần Mộng N**, sinh năm 1982 (thường gọi là M). (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 5, xã TP, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị **Phan Thị Bích L**, sinh năm 1986. (có mặt).

Địa chỉ: ấp 3, xã GT, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 09/6/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đoàn Thị Đ trình bày:*

Bà có cho bà Phạm Thị R vay số tiền 12.000.000 đồng làm 02 lần, cụ thể: 01 lần vay 2.000.000 đồng vào tháng 11/2015 (âm lịch) và một lần vay 10.000.000 đồng vào ngày 20/12/2015 (âm lịch), lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Bà Phạm Thị R đã trả cho bà được 6.000.000 đồng tiền lãi. Việc vay tiền, trả lãi không có giấy tờ. Con của bà Phạm Thị R có qua xin trả số tiền vốn nhưng bà không đồng ý. Bà nhận của bà Phạm Thị R nhiều lần tiền lãi với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, cụ thể:

Tháng 9 năm 2016 (âm lịch) trả 3.000.000 đồng do con gái bà R trả; năm 2017 (âm lịch) trả 1.000.000 đồng gửi con dâu bà tên Trần Mộng N; năm 2018 (âm lịch) trả hai lần được 1.000.000 đồng, mỗi lần 500.000 đồng (do con dâu bà đưa 01 lần và bà R đưa 01 lần) và năm 2019 (âm lịch) trả 1.000.000 đồng. Khi trả bà Phạm Thị R không nói trả vốn hay lãi.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị R trả cho bà số tiền vốn 12.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,7%/tháng tính từ khi vay đến nay là 11.048.000 đồng, bà đồng ý trừ số tiền lãi bà R đã trả là 6.000.000 đồng, còn lại 5.048.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng bà Phạm Thị R phải trả cho bà số tiền vốn, lãi là 17.048.000 đồng.

** Bị đơn Phạm Thị R trình bày:*

Bà thừa nhận có vay của bà Đoàn Thị Đ số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận khi vay là 10% tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Khi vay, bà có trả cho bà Đ tiền lãi đầy đủ hàng tháng nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu, không nhớ thời gian ngưng trả lãi. Trước đây, con bà tên Phan Thị Bích L có qua nhà của bà Đ xin được trả số tiền vốn và được bà Đ đồng ý, nên con gái bà có trả cho bà Đ số tiền 3.000.000 đồng, bà trực tiếp trả cho bà Đ là 2.000.000 đồng và gửi cho con dâu bà Đ tên M 04 lần mỗi lần là 500.000 đồng. Tổng cộng bà đã trả cho bà Đ số tiền vốn là 7.000.000 đồng, khi trả không có làm biên nhận. Nay bà chỉ đồng ý trả 5.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 100.000 đồng. Bà Đoàn Thị Đ khởi kiện yêu cầu trả số tiền 17.048.000 đồng, bà không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- *Chị Phan Thị Bích L trình bày:* Chị là con của bà Phạm Thị R, chị có trả trực tiếp cho bà Đoàn Thị Đ số tiền 3.000.000 đồng.

- *Chị Trần Mộng N trình bày:* Chị tên thường gọi là M, chị có nhận tiền của bà Phạm Thị R trả cho bà Đ, sau khi nhận, chị đã đưa cho bà Đ nhưng chị không nhớ nhận bao nhiêu tiền và mấy lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Mộng N có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn Đoàn Thị Đ và bị đơn Phạm Thị R thống nhất số tiền vốn vay là 12.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay.

[3] Nguyên đơn Đoàn Thị Đ yêu cầu bị đơn Phạm Thị R phải trả số tiền vốn vay là 12.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày 20/4/2016 (âm lịch) đến ngày 10/8/2020 (dương lịch).

[4] Bị đơn Phạm Thị R cho rằng khi vay của bà Đoàn Thị Đ số tiền 12.000.000 đồng, bà trả lãi đầy đủ hàng tháng, nhưng không nhớ số tiền lãi đã trả là bao nhiêu và khi được bà Đoàn Thị Đ đồng ý cho trả vốn thì bà đã trả cho bà Đoàn Thị Đ số tiền vốn là 7.000.000 đồng làm nhiều lần, cụ thể: trả 3.000.000 đồng do chị Phan Thị Bích L trả trực tiếp cho bà Đ và bà gửi cho chị M (con dâu bà Đ) 04 lần, mỗi lần 500.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng, bà trả trực tiếp cho bà Đoàn Thị Đ số tiền 2.000.000 đồng.

[5] Xét, lời trình bày của bà Phạm Thị R, là không có căn cứ. Bởi lẽ, bà Đoàn Thị Đ không thừa nhận có việc thỏa thuận cho bà Phạm Thị R trả số tiền vốn và bà Đ chỉ thừa nhận bà R trả được số tiền lãi là 6.000.000 đồng gồm chị Ly trả 3.000.000 đồng, bà

R trả 2.000.000 đồng và chị M đưa cho bà 1.000.000 đồng. Trong khi đó, chị Trần Mộng N (thường gọi là M) thừa nhận có nhận tiền của bà R trả cho bà Đ nhưng chị không nhớ số tiền là bao nhiêu. Bị đơn Phạm Thị R cũng không có chứng cứ gì chứng minh số tiền lãi đã trả trước đó và số tiền 7.000.000 đồng là trả vốn, không phải trả tiền lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà Phạm Thị R đã trả cho bà Đ số tiền lãi là 6.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn Đoàn Thị Đ và bị đơn Phạm Thị R trình bày không thống nhất mức lãi suất thỏa thuận khi vay, cụ thể bà Đoàn Thị Đ cho rằng lãi suất là 6%/tháng; còn bà Phạm Thị R cho rằng 10%/tháng. Như vậy, bà Đoàn Thị Đ và bà Phạm Thị R thỏa thuận cho vay mức lãi suất vượt quá mức lãi suất được theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bà Đoàn Thị Đ yêu cầu bà Phạm Thị R trả số tiền vốn 12.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2016 (âm lịch) đến xét xử với mức lãi suất 1,7%/tháng là không phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất và số tiền lãi bà Phạm Thị R phải trả cho bà Đ là:

- Từ ngày 20/4/2016 (âm lịch) tức ngày 26/5/2016 (dương lịch) đến ngày 31/12/2016 dương lịch là 07 tháng 05 ngày. Số tiền lãi là: 12.000.000 đồng x 7 tháng 05 ngày x 1,125%/tháng = 967.500 đồng.

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/8/2020 là 43 tháng 09 ngày. Số tiền lãi là 12.000.000 đồng x 43 tháng 09 ngày x 1,66% = 8.625.360 đồng

Tổng cộng tiền lãi từ ngày 26/5/2016 đến ngày 10/8/2020 là 9.592.860 đồng.

Bà Đoàn Thị Đ đã nhận 6.000.000 đồng, số tiền lãi bà Phạm Thị R phải trả cho bà Đoàn Thị Đ là 9.592.360 đồng – 6.000.000 đồng = 3.592.860 đồng.

[7] Tổng cộng bà Phạm Thị R phải trả cho bà Đoàn Thị Đ là 12.000.000 đồng vốn + 3.592.860 đồng tiền lãi = 15.592.860 đồng.

[8] Về phương thức thanh toán: Bà Phạm Thị R xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng, bà Đoàn Thị Đ không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Phạm Thị R phải nộp 779.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại thời điểm khởi kiện và xét xử, bà Đoàn Thị Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, nên bà đủ điều kiện miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Đ.

- Buộc bà Phạm Thị R phải trả cho bà Đoàn Thị Đ số tiền 15.592.860 đồng (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi hai ngàn tám trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị R chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Bà Phạm Thị R phải nộp 779.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đoàn Thị Đ.

Bà Đoàn Thị Đ, bà Phạm Thị R và chị Phan Thị Bích L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Mộng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Hồng Tâm